

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VỊ THỦY  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HS-ST  
Ngày: 31 - 8 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY - TỈNH HẬU GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Hùng

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Đông Hà.
2. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2022/TLST-HS, ngày 12 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 8 năm 2022, đối với:

***Bị cáo:*** Lê Văn T, sinh năm: 1982; tại huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện V, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm thuê; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị M; anh chị em ruột: 05 người; có vợ là Lê Thị Mỹ D và 03 người con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2020); tiền án: không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 01/12/2021 đến ngày 03/12/2021 bị áp dụng biện pháp tạm giam, đến ngày 17/3/2022 được thay T bằng biện pháp bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt.

***- Bị hại:***

1. Anh Hồ Văn Giải P (cò T), sinh năm: 1975; địa chỉ: ấp T, xã B, huyện A, tỉnh H (Có mặt);

2. Anh Trương Văn T, sinh năm: 1989; địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện V, tỉnh H (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1956; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện V, tỉnh H (Có mặt);

- *Người làm chứng:*

1. Anh Ngô Văn L (K), sinh năm: 1981; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện V, tỉnh H (Có mặt).

2. Anh Tiền Thanh Th, sinh năm: 1993; nơi cư trú: ấp S, xã B, thị xã N, tỉnh S (Có mặt);

3. Anh Nguyễn Minh Tr, sinh năm: 1984; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt);

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; biên bản ghi lời khai; đơn tố cáo, hợp đồng mua bán lúa, biên bản hỏi cung bị can và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 02 đến tháng 5 năm 2021, bị cáo Lê Văn T đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (qua hình thức làm hợp đồng mua bán lúa), trên địa bàn huyện Vị Thủy và huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang để lấy tiền đặt cọc lúa, nhưng đến ngày cắt lúa và giao lúa, bị cáo không thực hiện mà bỏ trốn khỏi địa phương, cụ thể như sau:

*Vụ thứ nhất:* Vào ngày 12/02/2021 (âm lịch), Lê Văn T có làm hợp đồng mua bán lúa với anh Trương Văn T với diện tích 300 công, giống lúa OM18, theo giá thị trường, khi cân lúa hỗ trợ 100 đồng/1 kg lúa, anh Tr có đưa tiền cọc lúa cho T 60.000.000 đồng, tại quán cà phê “Cô Nhanh” Cầu kênh 13.000, thuộc huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang có người chứng kiến là anh Nguyễn Minh Tr, 10 ngày sau anh Tr đưa cho bị cáo T thêm 60.000.000 đồng, tại tỉnh Lộ 926 thuộc xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Tổng cộng số tiền anh Tr đưa cho bị cáo T là 120.000.000 đồng, và thỏa thuận đến ngày giao nhận lúa sẽ đưa đủ tiền theo hợp đồng.

*Vụ thứ hai:* Vào năm 2021, bị cáo T ký hợp đồng mua bán lúa với anh Hồ Văn Giải P (Cò T), giống lúa OM18, giá lúa chết là 5.800đồng/1 kg lúa (nếu giá thị trường 5.800đồng/1 kg lúa thì bị cáo sẽ giao cho anh P 5.700đồng/1 kg lúa tươi), khi cân lúa hỗ trợ 100đồng/1 kg, cụ thể:

- Ngày 08/3/2021 (âm lịch), anh P có làm hợp đồng mua bán lúa với bị cáo T, với diện tích 300 công, giống lúa OM18, giá lúa theo thị trường, khi cân lúa hỗ trợ 100 đồng/1 kg lúa, anh P đưa cho bị cáo 120.000.000 đồng.

- Ngày 15/3/2021 (âm lịch), anh P có làm hợp đồng mua bán lúa với bị cáo T, với diện tích 300 công, giống lúa OM18, giá lúa theo thị trường, khi cân lúa hỗ trợ 100 đồng/1 kg lúa, anh P đưa tiền cho bị cáo T 120.000.000 đồng.

- Ngày 21/4/2021 (âm lịch), anh P có làm hợp đồng mua bán lúa với bị cáo T, diện tích là 191 công, giống lúa OM18, giá lúa theo thị trường, khi cân lúa hỗ trợ 100 đồng/1 kg lúa, anh P đưa tiền cho bị cáo T là 76.000.000 đồng.

Tất cả các lần nêu trên đều giao nhận tiền cọc tại quán cà phê “5 Đứng”, thuộc xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang và thỏa thuận đến ngày giao nhận lúa sẽ đưa đủ tiền theo hợp đồng.

Do tin tưởng bị cáo T, nên anh P đã giao cho bị cáo số tiền đặt cọc 03 hợp đồng nêu trên, khi làm hợp đồng bị cáo nói đã bao tiêu lúa giống cho dân trong phạm vi từ kinh Ranh đến kinh cây Dong và từ kinh cây Dong đến Kênh 6 Thước, thuộc xã Vị Bình và xã Vị Thanh, anh P giao cho bị cáo T số tiền tổng cộng 316.000.000đ (Ba trăm mười sáu triệu đồng). Đến ngày giao lúa bị cáo không giao lúa cho anh P và cũng không trả tiền cọc, anh P đã liên lạc nhiều lần với bị cáo nhưng không được, vì bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận: Do làm ăn thua lỗ không còn khả năng chi trả, bị cáo đã làm hợp đồng mua bán lúa với anh Tr và anh P với giá lúa chết để đón giá lúa giảm làm cho anh Tr và anh P bỏ tiền cọc và không lấy lúa, nhưng đến thu hoạch giá lúa lên cao, thực tế bị cáo không có đặt cọc lúa của người dân nên không có lúa giao cho anh Tr và anh P, tiền cọc mà anh Tr và anh P đưa, bị cáo đã tiêu xài cá nhân, không còn khả năng chi trả cho bị hại.

Tại Bản cáo trạng số 37/CT-VKS-HVT, ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang đã truy tố cáo: Lê Văn T về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017; viết tắt là: Bộ luật Hình sự).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến gì về Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang; bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không ai có ý kiến gì về thủ tục tố tụng đối với họ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lê Văn T là đủ yếu tố cấu thành “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ đã đề nghị Hội đồng xét xử;

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù;

Về trách nhiệm dân sự, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có yêu cầu, nên không xem xét;

Về vật chứng của vụ án, không có nên không xử lý.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không ai có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra huyện Vị Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện, đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục: Người làm chứng anh Nguyễn Minh Tr đã được triệu tập hợp lệ mà vắng mặt, trước đó đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra, việc vắng mặt của anh Tr không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, để tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về tội danh

[3.1] Bị cáo Lê Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Từ tháng 03 đến tháng 5 năm 2021, bị cáo ký kết hợp đồng mua bán lúa và nhận tiền đặt cọc mua lúa của các bị hại là anh Trương Văn T và anh Hồ Văn Giải P, đến ngày giao lúa theo hợp đồng thì bị cáo không có lúa để giao cho các bị hại, bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại số tiền tổng cộng là 436.000.000đ (Bốn trăm ba mươi sáu triệu đồng; trong đó, của anh Tr là 120.000.000đ và của anh Plà 316.000.000đ).

[3.2] Theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự thì: “1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...”. Bị cáo Lê Văn T thực hiện hành vi đưa ra thông

tin không có thật, làm cho anh Trương Văn T và anh Hồ Văn Giải P tin tưởng giao tài sản (tiền) cho bị cáo, mục đích bị cáo đưa ra thông tin gian dối là nhằm chiếm đoạt; tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại với số tiền tổng cộng là 436.000.000đ. Theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự thì: “a) *Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;*”, đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), là có căn cứ.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Tòa án căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả cho các bị hại; bị cáo ra đầu thú; các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; có 03 con nhỏ; trong thời gian tại ngoại chấp hành tốt chính sách pháp luật và quy định của địa phương. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như Kiểm sát viên đề xuất là có căn cứ.

[6] Bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi phạm tội, mỗi lần đều đủ điều kiện để xử lý hình sự; do đó, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, như đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và một tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, Tòa án sẽ xem xét khi quyết định hình phạt, đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trương Văn T đã nhận lại số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), và anh Hồ Văn Giải P đã nhận lại số tiền 316.000.000đ (Ba trăm mười sáu triệu đồng). Sau khi nhận lại tài sản, các bị hại không ai có yêu cầu gì khác nên không đề cập đến. Bà Nguyễn Thị M là mẹ bị cáo, đã bỏ ra số tiền tổng cộng 436.000.000đ để bồi thường, khắc phục hậu quả thay cho bị cáo, bà M không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này nên không xem xét.

[8] Đối với 03 hợp đồng mua bán lúa giữa bị cáo với ông Ngô Văn L, giống lúa OM18, bị cáo đã mua lúa giao đủ lúa cho ông L (do giá thị trường cao hơn theo hợp đồng, các bên đã thỏa thuận bù giá, đây là sự tự nguyện thỏa thuận). Do đó, 03 hợp đồng mua bán lúa giữa các bên đã ký kết và thực hiện là

giao dịch dân sự, gia đình bị cáo T đã trả tiền xong cho ông L, Cơ quan Điều tra không xem xét là có căn cứ.

[9] Giữa anh Tiền Thanh Th với bị cáo T thỏa thuận (không có làm hợp đồng, chỉ thỏa thuận miệng), về việc thuê máy gặt đập liên hợp của anh Th, bị cáo đứng ra lãnh cắt lúa trong hộ dân và thuê anh Th cắt lúa mỗi công là 240.000đ, bị cáo đứng ra nhận cắt lúa các hộ dân với giá 250.000đ đến 280.000đ/01 công để hưởng tiền chênh lệch; khi cắt lúa xong khoảng 15 ngày thì bị cáo thu tiền trả lại cho anh Th tiền công. Đến năm 2021 vụ hè thu do làm ăn thua lỗ nên bị cáo chậm trả cho anh Th, nhưng bị cáo đã đưa trước tổng cộng 40.000.000 đồng cho anh Th (gồm chi phí xăng, dầu cắt lúa), nhưng bị cáo nợ anh Th 125.970.000 đồng. Đại diện gia đình bị cáo (bà M mẹ bị cáo) đã khắc phục số tiền 108.000.000đ, còn 17.970.000đ anh Th đã đối chiếu với sổ sách ghi chép nợ và không có yêu cầu bị cáo trả thêm. Xét thấy, thỏa thuận giữa bị cáo với anh Th là giao dịch dân sự, Cơ quan Điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[10] Riêng số tiền 122.000.000 đồng bị cáo đã vay mượn của anh Hồ Văn Giải P, không phải tiền đặt cọc lúa, đây là quan hệ dân sự nên không đề cập đến.

[11] Vật chứng của vụ án: Không có, nên không xử lý.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 293 và các Điều 298, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Tuyên bố:* Bị cáo Lê Văn T phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

*Xử phạt:* Bị cáo Lê Văn T 07 (Bảy) năm tù.

Thời gian phạt tù tính được từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Được trừ vào thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2021 đến ngày 17/3/2022;

2. *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không ai có yêu cầu gì thêm, nên không xem xét.

3. *Vật chứng của vụ án*: Không có, nên không xử lý.

4. *Án phí hình sự sơ thẩm*: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp: 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

5. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Hậu Giang.
- VKSND tỉnh Hậu Giang.
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang.
- VKSND huyện Vị Thủy.
- Công an huyện Vị Thủy.
- Bị cáo, bị hại, người liên quan.
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy.
- Công TTĐT (để công bố).
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Hùng**

